

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 190

LUẬN VỀ NIỆM TRÚ (Phần 4)

Lúc cảm thọ về Lạc của thân thọ-Khổ của thân thọ-không khổ không lạc của thân thọ, và Khổ của tâm thọ thì nhận biết như thật, đây là một trí, đó là Thế tục trí, bởi vì tất cả thân thọ và Khổ của tâm thọ chỉ là hữu lậu, cho nên khởi lên Thế tục trí thì nhận biết như thật.

Lúc cảm thọ về Lạc của tâm thọ-không khổ không lạc của tâm thọ thì nhận biết như thật, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí, bởi vì hai tâm thọ này bao gồm hữu lậu-vô lậu, cho nên dùng bốn trí nhận biết, giải thích rộng ra như trên.

Hỏi: Trong này thế nào gọi là thân thọ, thế nào gọi là tâm thọ?

Đáp: Nếu cảm thọ thuộc về năm Thức thân thì gọi là thân thọ, thuộc về Ý địa thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ không có phân biệt thì gọi là thân thọ, có phân biệt thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ giữ lấy cảnh của tự tướng thì gọi là thân thọ, giữ lấy cảnh của tự tướng-cộng tướng thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ giữ lấy cảnh hiện tại thì gọi là thân thọ, giữ lấy cảnh của ba đời và cảnh không thuộc về đời kiếp thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ giữ lấy cảnh riêng biệt của sự thì gọi là thân thọ, giữ lấy cảnh riêng biệt của sự và cảnh hòa hợp thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ một lần rơi vào cảnh ấy thì gọi là thân thọ, nhiều lần rơi vào cảnh ấy thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ đối với cảnh sơ suất mà chuyển thì gọi là thân thọ, suy đoán mà chuyển thì gọi là tâm thọ.

Lại nữa, nếu cảm thọ dùng Sắc làm sở y-Sắc làm sở duyên thì gọi là thân thọ, dùng phi Sắc làm sở y-Sắc và phi Sắc làm sở duyên thì gọi

là tâm thọ.

Như Sắc-phi Sắc, như vậy có đối-không có đối, tích tụ-không phải là tích tụ, hòa hợp-không hòa hợp, nói rộng ra cũng như vậy.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Như Đức Phật đã nói: Người ấy vào lúc bấy giờ cảm thọ đối với hai thọ, đó là thân thọ và tâm thọ. Thế nào là thân thọ? Thế nào là tâm thọ? Trả lời: Không có cảm thọ nào là thân thọ, tất cả cảm thọ đều là tâm thọ. Nguyên cố thế nào? Bởi vì tương ứng với tâm. Nhưng các cảm thọ nếu dựa vào năm căn mà chuyển thì cảm thọ này gọi là thân thọ, bởi vì luôn luôn dùng thân làm tăng thượng; nếu dựa vào Ý căn mà chuyển thì cảm thọ này gọi là tâm thọ, bởi vì luôn luôn dùng tâm làm tăng thượng.”

Lại đưa ra cách nói này: “Không có cảm thọ nào là thân thọ, tất cả cảm thọ đều là tâm thọ. Bởi vì tương ứng với tâm. Nhưng các cảm thọ dựa vào ba căn giữ lấy cảnh đến mà chuyển thì cảm thọ này gọi là thân thọ, bởi vì luôn luôn dấy lên Tưởng; dựa vào ba căn giữ lấy cảnh không đến mà chuyển thì cảm thọ này gọi là tâm thọ, bởi vì không luôn luôn dấy lên Tưởng.”

Đại đức nói rằng: “Nếu là thân thọ thì đó cũng là tâm thọ chẳng? Trả lời: Nếu là thân thọ thì đó cũng là tâm thọ. Có lúc là tâm thọ mà không phải là thân thọ, đó là nếu suy nghĩ về sự bên ngoài, ở bên trong giữ lấy tướng và đối với sự giữ lấy tướng của Bồ-đặc-già-la, cùng với tướng của Sắc do Pháp xứ thâm nhiếp, tướng của tâm bất tương ứng hành, tướng Vô vi. Những loại cảm thọ như vậy đều gọi là tâm thọ, bởi vì phân biệt mà chuyển đối với cảnh không phải là có thật.”

Đó gọi là sự sai biệt của thân thọ và tâm thọ.

Lúc cảm thọ về Lạc có vị của thọ, Khổ có vị của thọ, không khổ không lạc có vị của thọ, và Khổ không có vị của thọ thì nhận biết như thật, đây là một trí, đó là Thế tục trí, bởi vì tất cả có vị của thọ và Khổ không có vị của thọ đều là hữu lậu, cho nên khởi lên Thế tục trí thì nhận biết như thật.

Lúc cảm thọ về Lạc không có vị của thọ-không khổ không lạc không có vị của thọ thì nhận biết như thật, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí, bởi vì hai loại không có vị của thọ này bao gồm hữu lậu-vô lậu, cho nên dùng bốn trí nhận biết, giải thích rộng ra như trên.

Trong này, Vị gọi là Ái, bởi vì tánh đắm theo Vị. Nếu thọ làm nơi dừng chân cho pháp ấy thì gọi là có vị của thọ.

Có người nói: Vị là gọi cho tất cả phiền não, bởi vì tánh đắm theo

Thủ. Nếu thọ làm nơi dừng chân cho pháp ấy thì gọi là có vị của thọ. Nếu thọ không làm nơi dừng chân cho Ái, hoặc là tất cả phiền não thì gọi là không có vị của thọ.

Hỏi: Nếu như vậy thì tất cả Khổ thọ đều gọi là có vị, bởi vì đều có thể làm nơi dừng chân cho Ái, hoặc là tất cả phiền não. Lại như luận Phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là có vị của pháp? Đó là pháp hữu lậu. Thế nào là không có vị của pháp? Đó là pháp vô lậu.” Vì sao trong này nói có Khổ không có vị của thọ?

Đáp: Khổ thọ tuy là hữu lậu mà có phần ít không có vị dựa vào tánh, dựa vào đó cho nên nói là Khổ không có vị của thọ, nghĩa là pháp ấy có tánh không trái ngược với phiền não và không xen tạp với phiền não.

Có Sư khác nói: Khổ thọ tuy đều là hữu lậu mà có lúc có thể dẫn dắt phát khởi thọ vô lậu không có vị tùy thuận với Thắng nghĩa, dựa vào đó cho nên nói là Khổ không có vị của thọ, bởi vì có thể tạm thời điều phục các Vị.

Cảm thọ về Lạc ham thích dựa vào thọ, Khổ ham thích dựa vào thọ, không khổ không lạc ham thích dựa vào thọ, và Khổ rời xa dựa vào thọ thì nhận biết như thật, đây là một trí, đó là Thế tục trí, bởi vì tất cả ham thích dựa vào thọ và Khổ rời xa dựa vào thọ đều là hữu lậu, cho nên khởi lên Thế tục trí thì nhận biết như thật.

Cảm thọ về Lạc rời xa dựa vào thọ-không khổ không lạc rời xa dựa vào thọ thì nhận biết như thật, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí, giải thích như trước.

Trong này, ham thích(đam thị) gọi là Ái, bởi vì tánh thuộc đắm trước. Nếu thọ làm nơi dừng chân cho pháp ấy thì gọi là ham thích dựa vào thọ.

Có người nói: Ham thích là gọi cho tất cả phiền não, bởi vì tánh thuộc chấp trước. Nếu thọ làm nơi dừng chân cho pháp ấy thì gọi là ham thích dựa vào thọ. Nếu thọ không làm nơi dừng chân cho Ái, hoặc là tất cả phiền não thì gọi là rời xa dựa vào thọ.

Hỏi: Nếu như vậy thì tất cả Khổ thọ đều gọi là ham thích dựa vào, bởi vì đều có thể làm nơi dừng chân cho Ái, hoặc là tất cả phiền não. Lại như luận Phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là ham thích dựa vào pháp? Đó là pháp hữu lậu. Thế nào là rời xa dựa vào pháp? Đó là pháp vô lậu.” Vì sao trong này nói có Khổ rời xa dựa vào thọ?

Đáp: Khổ thọ tuy là hữu lậu mà có phần ít rời xa dựa vào tánh, dựa vào đó cho nên nói là Khổ rời xa dựa vào thọ, nghĩa là pháp ấy có

tánh không trái ngược với phiền não và không xen tạp với phiền não.

Có Sư khác nói: Khổ thọ tuy đều là hữu lậu mà có lúc có thể dẫn dắt phát khởi thọ vô lậu dựa vào rời xa tùy thuận với Thắng nghĩa, dựa vào đó cho nên nói là Khổ rời xa dựa vào thọ, bởi vì có thể tạm thời điều phục các ham thích.

Như nói: Tâm có tham thì nhận biết như thật là tâm có tham..., cho đến nói rộng ra.

Bởi vì có hai nghĩa cho nên tâm gọi là có tham:

1. Xen tạp với tham.
2. Do tham ràng buộc.

Có người nói: Trong này dựa vào xen tạp với có tham mà soạn luận.

Có người nói: Trong này dựa vào hai loại có tham mà soạn luận. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu chỉ dựa vào xen tạp với có tham mà soạn luận, thì tâm thiện hữu lậu và tâm vô phú vô ký..., lẽ ra cũng gọi là tâm lìa tham; nhưng loại ấy cũng là tâm có tham, bởi vì tham mà ràng buộc.

Như tâm có tham, nên biết tâm có sân... cũng như vậy.

Trong này, bởi vì tham mà ràng buộc cho nên gọi là tâm có tham, bởi vì đối trị với tham cho nên gọi là tâm lìa tham.

Nói như vậy là hợp lý, nghĩa là bởi vì tham mà ràng buộc cho nên gọi là tâm có tham, bởi vì đối trị với tham cho nên gọi là tâm lìa tham.

Nếu nói tương ứng với tham cho nên gọi là tâm có tham, không tương ứng với tham cho nên gọi là tâm lìa tham, thì tâm không tương ứng với tham mà tương ứng với những phiền não khác nên gọi là tâm lìa tham; nhưng loại ấy cũng là tâm có tham, bởi vì tham mà ràng buộc.

Nếu nói tương ứng với tham cho nên gọi là tâm có tham, bởi vì đối trị với tham cho nên gọi là tâm lìa tham, thì tâm nhiễm ô và tâm vô phú vô ký-một phần tâm thiện không tương ứng với tham, lẽ ra không phải là tâm có tham, cũng không phải là tâm lìa tham; nhưng loại ấy cũng là tâm có tham, bởi vì tham mà ràng buộc.

Tâm có tham thì nhận biết như thật là tâm có tham, đây là một trí, đó là Thế tục trí; giải thích như trước.

Tâm lìa tham thì nhận biết như thật là tâm lìa tham, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí; giải thích như trước.

Bởi vì sân mà ràng buộc cho nên gọi là tâm có sân, bởi vì đối trị với sân cho nên gọi là tâm lìa sân, nói rộng ra như tham.

Tâm có sân thì nhận biết như thật là tâm có sân, đây là một trí, đó

là Thế tục trí; giải thích như trước.

Tâm lìa sân thì nhận biết như thật là tâm lìa sân, đây là ba trí, đó là Pháp-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, dựa vào đối trị gần mà nói, cho nên không nói đến Loại trí, bởi vì đạo thuộc phẩm Loại trí không phải là đối trị gần của cõi Dục; còn lại giải thích như trước.

Bởi vì si mà ràng buộc cho nên gọi là tâm có si, bởi vì đối trị với si cho nên gọi là tâm lìa si.

Nói như vậy là hợp lý, nghĩa là bởi vì si mà ràng buộc cho nên gọi là tâm có si, bởi vì đối trị với si cho nên gọi là tâm lìa si.

Nếu nói tương ứng với si cho nên gọi là tâm có si, bởi vì đối trị với si cho nên gọi là tâm lìa si, thì tâm vô phú vô ký-một phần tâm thiện, cũng nên gọi là tâm lìa si; nhưng loại ấy cũng gọi là tâm có si, bởi vì si mà ràng buộc.

Nếu nói tương ứng với si cho nên gọi là tâm có si, bởi vì đối trị với si cho nên gọi là tâm lìa si, thì tâm vô phú vô ký-một phần tâm thiện, lẽ ra không phải là tâm có si, cũng không phải là tâm lìa si; nhưng loại ấy cũng là tâm có si, bởi vì si mà ràng buộc.

Tâm có si thì nhận biết như thật là tâm có si, đây là một trí, đó là Thế tục trí; giải thích như trước.

Tâm lìa si thì nhận biết như thật là tâm lìa si, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí; giải thích như trước.

Tâm nhiễm, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì tương ứng với phiền não.

Tâm không nhiễm, đó là tâm thiện, bởi vì trái ngược với phiền não.

Có người nói: Tâm thiện-tâm vô phú vô ký đều gọi là tâm không nhiễm, bởi vì không tương ứng với phiền não.

Tâm nhiễm thì nhận biết như thật là tâm nhiễm, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Tâm không nhiễm thì nhận biết như thật là tâm không nhiễm, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí; giải thích như tâm có si-lìa si trước đây.

Tâm hời hợt, đó là tâm thiện, bởi vì thâm nhiếp hời hợt đối với sở duyên.

Tâm phân tán, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì phân tán rong ruổi đối với sở duyên.

Tâm hời hợt thì nhận biết như thật là tâm hời hợt, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Tâm phân tán thì nhận biết như thật là tâm phân tán, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Câu này tùy theo thích hợp, giải thích như trước.

Các Sư ở ngoài nước Ca-thấp-di-la nói: “Tâm hời hợt, đó là tâm tương ứng với ngủ, bởi vì nói tâm hời hợt gọi là ngủ. Như nói: Ngủ là thế nào? Đó là lúc ngủ vốn có mơ ngủ không có thể giữ được thân tâm, lấy hời hợt làm tánh.”

Hỏi: Nếu như vậy thì trong này đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Tâm hời hợt nhận biết như thật là tâm hời hợt, đây là bốn trí...”

Đáp: Văn này nên đưa ra cách nói này: Tâm hời hợt-tâm phân tán-tâm xuống thấp nhận biết như thật là tâm hời hợt-tâm phân tán-tâm xuống thấp, đây là một trí, đó là Thế tục trí; tâm lên cao nhận biết như thật là tâm lên cao, đây là bốn trí, nói như trước.”

Lời bình: Người ấy không nên đưa ra cách nói này. Nếu đưa ra cách nói này thì tâm nhiễm ô tương ứng với ngủ, lẽ ra cũng gọi là tâm hời hợt bởi vì tương ứng với ngủ, cũng gọi là tâm phân tán bởi vì nhiễm ô. Vì vậy nên biết cách nói trước là hợp lý.

Tâm xuống thấp, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì tương ứng với lười nhác.

Tâm lên cao, đó là tâm thiện, bởi vì tương ứng với tinh tiến.

Tâm xuống thấp thì nhận biết như thật là tâm xuống thấp, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Tâm lên cao thì nhận biết như thật là tâm lên cao, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm nhỏ bé, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì nhỏ bé do thói quen mà sinh ra.

Tâm to lớn, đó là tâm thiện, bởi vì to lớn do thói quen mà sinh ra.

Hỏi: Nay hiện thấy vô lượng hữu tình làm điều ác, rất ít hữu tình làm điều thiện, vì sao tâm nhiễm nhỏ bé do thói quen mà sinh ra?

Đáp: Trong này không vì chủng loại ít mà gọi là nhỏ bé, chỉ vì pháp thanh tịnh ít ỏi cho nên gọi là nhỏ bé, nghĩa là nếu pháp thanh tịnh ít ỏi do thói quen mà sinh ra thì gọi là tâm nhỏ bé, nếu pháp thanh tịnh phần nhiều do thói quen mà sinh ra thì gọi là tâm to lớn. Vì thế cho nên khắp trong biển rộng sinh tử chỉ có Đức Phật tu nhiều pháp thiện mà gọi là to lớn, chứ không phải là tất cả hữu tình.

Có người nói: Tâm nhiễm ô đạt được giá trị nhỏ bé cho nên gọi là nhỏ bé, tâm thiện đạt được giá trị to lớn cho nên gọi là to lớn. Bởi vì tâm nhiễm ô dựa vào một ít việc đã làm liền khởi lên vô lượng tác ý phi

lý, khiến cho phiền não ác hạnh dấy lên như dòng sông tuôn chảy; tâm thiện thì không như vậy, tuy bỏ ra trăm ngàn châu báu nhưng hoặc có người có thể khởi lên, hoặc có người không có thể khởi lên.

Có người nói: Tâm nhiễm ô bởi vì ít căn cho nên gọi là nhỏ bé, tâm thiện bởi vì nhiều căn cho nên gọi là to lớn. Nghĩa là tâm nhiễm ô thì hoặc là chỉ có một căn, hoặc là đến hai căn; tâm thiện thì tất cả đều có đủ ba căn.

Có người nói: Tâm nhiễm ô bởi vì ít tùy chuyển cho nên gọi là nhỏ bé, tâm thiện bởi vì nhiều tùy chuyển cho nên gọi là to lớn. Nghĩa là tâm nhiễm ô thì chỉ có ba uẩn tùy chuyển, tâm thiện thì hoặc là ba uẩn-hoặc là bốn uẩn tùy chuyển.

Có người nói: Tâm nhiễm ô bởi vì ít quyến thuộc cho nên gọi là nhỏ bé, tâm thiện bởi vì nhiều quyến thuộc cho nên gọi là to lớn. Nghĩa là bởi vì tâm nhiễm ô thì không có tu thuộc vị lai, tâm thiện thì có tu thuộc vị lai.

Có người nói: Tâm nhiễm ô bởi vì ít đối trị cho nên gọi là nhỏ bé, tâm thiện bởi vì nhiều đối trị cho nên gọi là to lớn.

Như Khổ pháp trí nhân sinh khởi trong một sát-na, có thể lập tức vĩnh viễn đoạn mười tùy miên do kiến Khổ mà đoạn của cõi Dục, một lực này hơn hẳn chứ không phải là tất cả lực kia, như một lực sĩ có thể làm cho ngàn người khuất phục; mà không có tâm nhiễm ô sinh khởi trong một sát-na, có thể lực như vậy.

Lại nữa, trong tâm nhiễm ô vốn có pháp đứng đầu thiếu mất mắt và chân, pháp đứng đầu ấy tức là Vô minh. Như nói: Vô minh là pháp đứng đầu, là nhân tố đi trước, cho nên sinh ra vô lượng chủng loại pháp ác bất thiện, và chủng loại không có Tàm-không có Quý của nó. Trong tâm thiện vốn có pháp đứng đầu có đủ mắt và chân, pháp đứng đầu ấy tức là Minh. Như nói: Minh là pháp đứng đầu, là nhân tố đi trước, cho nên sinh ra vô lượng chủng loại pháp thiện, và chủng loại có Tàm-có Quý của nó.

Lại nữa, từ vô thủy đến nay đã quen theo pháp bất thiện, tạm thời luyện tập pháp thiện thì làm cho vĩnh viễn đoạn trừ; giống như trong ngôi nhà trải qua thời gian dài tối tăm u ám, ngọn đèn sáng vừa chiếu vào thì lập tức trừ hết bóng tối; như trải qua thời gian dài quen theo ý nghĩ là không có muối, lúc vừa nếm vị muối thì ý nghĩ ấy liền từ bỏ, ở đây cũng như vậy, pháp bất thiện đoạn dứt pháp thiện thì không có sự việc như vậy.

Lại nữa, pháp thiện đối với pháp bất thiện có thể điều phục hoàn

toàn, hoặc là đoạn trừ hoàn toàn; pháp bất thiện đối với pháp thiện thì không như vậy. Bởi vì những duyên này, cho nên tâm nhiễm ô gọi là nhỏ bé, tâm thiện gọi là to lớn.

Tâm nhỏ bé thì nhận biết như thật là tâm nhỏ bé, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm to lớn thì nhận biết như thật là tâm to lớn, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm lăng xăng, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì tương ứng với trạo cử.

Tâm không lăng xăng, đó là tâm thiện, bởi vì tương ứng với Xa-ma-tha.

Tâm lăng xăng thì nhận biết như thật là tâm lăng xăng, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm không lăng xăng thì nhận biết như thật là tâm không lăng xăng, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm không vắng lặng, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì luôn luôn náo động.

Tâm vắng lặng, đó là tâm thiện, bởi vì rời xa náo động.

Tâm không vắng lặng thì nhận biết như thật là tâm không vắng lặng, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm vắng lặng thì nhận biết như thật là tâm vắng lặng, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm không định, đó là tâm nhiễm ô, bởi vì tương ứng với tán loạn.

Tâm định, đó là tâm thiện, bởi vì rời xa tán loạn.

Tâm không định thì nhận biết như thật là tâm không định, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm định thì nhận biết như thật là tâm định, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm không tu, đó là tâm đối với tu đạt được-tu luyện tập, cả hai loại đều không tu.

Tâm tu, đó là tâm đối với tu đạt được-tu luyện tập, hoặc là tu cả hai loại, hoặc là tu tùy theo một loại.

Tâm không tu thì nhận biết như thật là tâm không tu, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm tu thì nhận biết như thật là tâm tu, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Tâm không giải thoát, đó là tâm đối với giải thoát thuộc tự tánh-

giải thoát nối tiếp nhau, cả hai loại đều không giải thoát.

Tâm giải thoát, đó là tâm đối với giải thoát thuộc tự tánh-giải thoát nối tiếp nhau, hoặc là giải thoát cả hai loại, hoặc là giải thoát tùy theo một loại.

Tâm không giải thoát thì nhận biết như thật là tâm không giải thoát, đây là một trí, đó là Thế tục trí. Giải thích như trước.

Tâm giải thoát thì nhận biết như thật là tâm giải thoát, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Giải thích như trước.

Như nói: Có Cái tham dục bên trong..., cho đến nói rộng ra.

Trong Thánh giáo này, bên trong(nội) có hai loại:

1. Xứ bên trong thâm nhiếp cho nên gọi là bên trong, như nói: Sáu Xứ bên trong này...

2. Sự nối tiếp nhau của mình thâm nhiếp cho nên gọi là bên trong, như nói: Trú vào thân bên trong thuận theo thân quán sát...

Trong này, dựa vào sự nối tiếp nhau bên trong mà soạn luận, không dựa vào Xứ bên trong. Nguyên cố thế nào? Nếu dựa vào Xứ bên trong mà soạn luận, thì không nên nói là có Cái tham dục bên trong..., bởi vì Cái tham dục... bên trong đều là Pháp xứ bên ngoài thâm nhiếp. Nhưng pháp ấy tuy là Xứ bên ngoài mà bởi vì sự nối tiếp nhau của mình thâm nhiếp, cho nên gọi là bên trong.

Như nói: Có Cái tham dục bên trong thì nhận biết như thật là có Cái tham dục bên trong, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Trong này, Có đó là Cái tham dục hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là chưa lìa sự thành tựu đạt được nó, hoặc là đạo đối trị với nó chưa sinh. Đây là một trí, bởi vì hữu lậu cho nên khởi lên trí Thế tục thì nhận biết như thật.

Không có Cái tham dục bên trong thì nhận biết như thật là không có Cái tham dục bên trong, đây là ba trí, đó là Pháp-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, Không có đó là Cái tham dục không phải là hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là đã lìa sự thành tựu đạt được nó, hoặc là đạo đối trị với nó đã sinh. Đây là ba trí, đó là bởi vì Cái tham dục chỉ ở cõi Dục, cho nên đối trị gần của nó không phải là Loại trí.

Như nói: Cái tham dục bên trong chưa sinh mà sinh thì nhận biết như thật, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Trong này, chưa sinh mà sinh, đó là do rất nhiều nhân-rất nhiều duyên sinh ra Cái tham dục bên trong. Đây là một trí, giải thích như

trước.

Sinh rồi liền đoạn, đoạn rồi về sau không còn sinh nữa thì nhận biết như thật, đây là ba trí, đó là Pháp-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, sinh rồi liền đoạn, đó là đạo đối trị với nó đã sinh mà đoạn trừ Cái tham dục. Đoạn rồi về sau không còn sinh nữa, đó là hoặc hoàn toàn không sinh, hoặc là cho đến lúc chưa lui sụt đạo đối trị với nó. Đây là ba trí, giải thích như trước.

Như Cái tham dục, nên biết Cái sân nhuế-hôn trầm-thụy miên-trạo cử-ác tác-nghi cũng như vậy, bởi vì những loại ấy đều là hệ thuộc cõi Dục.

Như nói: Có kiết của Nhãn bên trong thì nhận biết như thật là có kiết của Nhãn bên trong, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Trong này, cũng dựa vào sự nối tiếp nhau bên trong mà soạn luận, không dựa vào Xứ bên trong, nói rộng ra như trước đã nói.

Có cũng gọi là kiết Nhãn hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là chưa lìa sự thành tựu đạt được nó, hoặc là đạo đối trị với nó chưa sinh. Đây là một trí, giải thích như trước.

Không có kiết của Nhãn bên trong thì nhận biết như thật là không có kiết của Nhãn bên trong, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, Không có cũng gọi là kiết của Nhãn không phải là hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là đã lìa sự thành tựu đạt được nó, hoặc là đạo đối trị với nó đã sinh. Đây là bốn trí, đó là bởi vì kiết của Nhãn bên trong hệ thuộc cõi Dục-Sắc, cho nên đối trị gần của nó bao gồm phẩm Pháp-Loại trí.

Như nói: Kiết của Nhãn bên trong chưa sinh mà sinh thì nhận biết như thật, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Trong này, chưa sinh mà sinh, đó là do rất nhiều nhân-rất nhiều duyên sinh ra Kiết của Nhãn bên trong. Đây là một trí, giải thích như trước.

Sinh rồi liền đoạn, đoạn rồi về sau không còn sinh nữa thì nhận biết như thật, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, sinh rồi liền đoạn, đó là đạo đối trị với nó đã sinh mà đoạn trừ kiết của Nhãn bên trong. Đoạn rồi về sau không còn sinh nữa, đó là hoặc hoàn toàn không sinh, hoặc là cho đến lúc chưa lui sụt đạo đối trị với nó. Đây là bốn trí, giải thích như trước.

Như kiết của Nhãn, nên biết kiết của Nhĩ-Thân-Ý cũng như vậy, bởi vì đối trị gần của những loại ấy đều bao gồm phẩm Pháp-Loại trí.

Kiến của Tỷ-Thiệt nói như Cái, bởi vì đều chỉ là hệ thuộc cõi Dục.

Như nói: Có Niệm đẳng giác chi bên trong thì nhận biết như thật là có Niệm đẳng giác chi bên trong, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, Có đó là Niệm đẳng giác chi hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là đã có sự thành tựu đạt được pháp ấy, hoặc là chướng ngại do pháp ấy đối trị đã đoạn. Đây là bốn trí, có người nói: Trong này, Niệm đẳng giác chi chân thật do ba trí nhận biết, đó là Pháp-Loại-Đạo trí; Niệm đẳng giác chi tương tự do một trí nhận biết, đó là Thế tục trí.

Có người nói: Trong này, chỉ nói đến Niệm đẳng giác chi chân thật, tức là loại này do bốn trí nhận biết, đó là Thế tục trí nhận biết không rõ ràng, Pháp-Loại-Đạo trí nhận biết rõ ràng.

Không có Niệm đẳng giác chi bên trong thì nhận biết như thật là không có Niệm đẳng giác chi bên trong, đây là một trí, đó là Thế tục trí.

Trong này, Không có đó là Niệm đẳng giác chi không phải là hiện hành có thể đạt được trong sự nối tiếp nhau của mình, hoặc là chưa có sự thành tựu đạt được pháp ấy, hoặc là chướng ngại do pháp ấy đối trị chưa đoạn. Đây là một trí, nói như trước.

Như nói: Niệm đẳng giác chi chưa sinh mà sinh, sinh rồi trú vững không quên, làm cho đầy đủ trọn vẹn, tăng thêm nhiều trí tác chứng, đây là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Trong này, chưa sinh mà sinh, đó là do rất nhiều nhân-rất nhiều duyên sinh ra Niệm đẳng giác chi bên trong. Sinh rồi trú vững không quên...

Hỏi: Như sinh bấy nhiêu thì diệt bấy nhiêu, sát-na sau chắc chắn không dừng lại, làm sao có thể nói là sinh rồi trú vững không quên...?

Đáp: Trong này nói đến hai loại căn thiện, đó là thuận phần an trú và thuận phần thắng tiến. Sinh rồi trú vững không quên là nói đến căn thiện thuận phần an trú, sinh rồi làm cho đầy đủ trọn vẹn tăng thêm nhiều là nói đến căn thiện thuận phần thắng tiến. Đây là bốn trí, giải thích như trước.

Như Niệm đẳng giác chi, nên biết Trạch pháp-Tinh tiến-Hỷ-An-Định-Xả đẳng giác chi, cũng như vậy, bởi vì chủng loại giống nhau.

Hỏi: Hỷ đẳng giác chi tức là Thọ, trong Thọ niệm trú trước đây đã quán sát, nay vì sao trở lại quán sát?

Đáp: Trước dùng môn Thọ niệm trú để quán sát, nay dùng môn Pháp niệm trú để quán sát.

Lại nữa, trước quán sát một mình, nay quán sát cùng với Giác chi khác.

Lại nữa, trước quán sát về tự tướng của pháp ấy, nay quán sát về cộng tướng của pháp ấy.

Lại nữa, trước quán sát về hữu lậu-vô lậu, nay quán sát về vô lậu.

Có người nói: Trong này cũng quán sát về hữu lậu-vô lậu, bởi vì bao gồm quán sát về Giác chi chân thật và tướng tự.

Như nói: Điều thuận theo quán sát về tham-sân-si của mình tăng lên, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Các Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni điều thuận theo quán sát lúc tham của mình tăng lên, lúc ấy nên biết là lui sụt các pháp thiện, Đức Phật nói đó là lui sụt. Sân-si cũng như vậy.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra, thế nào là tham tăng lên cho đến si tăng lên? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không phân biệt thì nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là tham-sân-si tăng lên?

Đáp: Có tham-sân-si phẩm Hạ cho nên có phẩm Trung, có phẩm Trung cho nên có phẩm Thượng, đó gọi là tăng lên.

Có người nói: Trong này, dựa vào tham-sân-si tăng lên mà thế gian hiện thấy để soạn luận.

Tham tăng lên là như những người đàn ông, ở giai đoạn trẻ thơ khởi lên tham ràng buộc phẩm Hạ, ở giai đoạn trưởng thành khởi lên tham ràng buộc phẩm Trung, ở giai đoạn tuổi trẻ khởi lên tham ràng buộc phẩm Thượng; đối với vợ của họ cũng như vậy.

Sân tăng lên là như những người đàn ông lần lượt thay đổi đánh nhau, chưa phát ra lời nói cộc cằn thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Hạ, lúc phát ra lời nói cộc cằn thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Trung, kết thúc thất bại mưu toan làm hại thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Thượng.

Si tăng lên là như có người đàn ông sinh trong nhà ngoại đạo, chưa học sách luận của ngoại đạo thì khởi lên si ràng buộc phẩm Hạ, học mà chưa thông hiểu nghĩa lý ấy thì khởi lên si ràng buộc phẩm Trung, nếu đến cuối cùng thông hiểu thì khởi lên si ràng buộc phẩm Thượng.

Có người nói: Trong này, dựa vào đạo lý quán sát đối đãi mà soạn luận, đó là quán sát tham ràng buộc phẩm Hạ cho nên thi thiết phẩm Trung, quán sát phẩm Trung cho nên thi thiết phẩm Thượng; sân-si cũng như vậy.

Có người nói: Trong này, dựa vào lui sụt mà soạn luận, đó là từ tham ràng buộc phẩm Hạ cho nên thành phẩm Trung, từ phẩm Trung lui sụt cho nên thành phẩm Thượng; sân-si cũng như vậy.

Như nói: Điều thuận theo quán sát về tham-sân-si của mình giảm xuống, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt về nghĩa lý còn lại ngay trong kinh trước đã nói. Như trong kinh ấy nói: “Các Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni đều thuận theo quán sát lúc tham của mình giảm xuống, lúc ấy nên biết là không lui sụt các pháp thiện, Đức Phật nói đó là không lui sụt. Sân-si cũng như vậy.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra, thế nào là tham giảm xuống cho đến si giảm xuống? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không phân biệt thì nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là tham-sân-si giảm xuống?

Đáp: Không có tham-sân-si phẩm Thượng cho nên thành phẩm Trung, không có phẩm Trung cho nên thành phẩm Hạ, đó gọi là giảm xuống.

Có người nói: Trong này, dựa vào tham-sân-si giảm xuống mà thế gian hiện thấy để soạn luận.

Tham giảm xuống là như những người đàn ông, ở giai đoạn tuổi trẻ khởi lên tham ràng buộc phẩm Thượng, ở giai đoạn đứng tuổi khởi lên tham ràng buộc phẩm Trung, ở giai đoạn tuổi già khởi lên tham ràng buộc phẩm Hạ; đối với vợ của họ cũng như vậy.

Sân giảm xuống là như những người đàn ông lần lượt thay đổi đánh nhau, kết thúc thất bại mưu toan làm hại lẫn nhau thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Thượng, vì phát động đánh nhau mà sai sứ giả qua lại thương tuyệt thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Trung, lúc chính thức đánh nhau thì khởi lên sân ràng buộc phẩm Hạ.

Si giảm xuống là như những người đàn ông sinh trong nhà ngoại đạo, học sách luận của ngoại đạo ấy đã thông hiểu thì khởi lên si ràng buộc phẩm Thượng, nếu lúc nghe lời Đức Phật dạy còn giữ lại trong tâm thì khởi lên si ràng buộc phẩm Trung, nếu lúc đối với lời Đức Phật dạy sinh ra một chút tin tưởng thì khởi lên si ràng buộc phẩm Hạ.

Có người nói: Trong này, dựa vào đạo lý quán sát đối đãi mà soạn luận, đó là quán sát tham ràng buộc phẩm Thượng cho nên thi thiết phẩm Trung, quán sát phẩm Trung cho nên thi thiết phẩm Hạ; sân-si cũng như vậy.

Có người nói: Trong này, dựa vào lìa nhiễm mà soạn luận, đó là từ tham ràng buộc phẩm Thượng giảm xuống cho nên trở thành phẩm Trung, từ phẩm Trung giảm xuống cho nên trở thành phẩm Hạ; sân-si cũng như vậy.

Thế nào là cảm thọ cuối cùng về cái chết(tử biên tế thọ)? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn giải thích về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Này A-nan-đà nên biết! Xưa có vị Chuyển Luân Vương tên gọi Thiện Kiến, có cảm thọ cuối cùng về cái chết thuộc loại như vậy, giống như tráng sĩ ăn nhiều thức ăn ngon, trong chốc lát mê man bất tỉnh.” Lại trong kinh nói: “Nay Ta đã sinh ra cảm thọ cuối cùng về cái chết làm cho tổn hại nhanh chóng.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra, thế nào là cảm thọ cuối cùng về cái chết? Đến đâu thì nên nói là cảm thọ cuối cùng về cái chết? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì mà kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Có người nói: Nguyên cơ soạn luận là bởi vì ngăn chặn thế gian đối với lúc không phải là cảm thọ cuối cùng về cái chết, khởi lên ý tưởng cảm thọ cuối cùng về cái chết. Như thế gian nói: Tôi đã nhận lấy cảm thọ cuối cùng về cái chết, nay cảm thọ và đang cảm thọ. Đó là đối với lúc không phải là cảm thọ cuối cùng về cái chết, khởi lên ý tưởng cảm thọ cuối cùng về cái chết. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu nhận lấy cảm thọ này thì không bao lâu sẽ mạng chung, mới gọi là cảm thọ cuối cùng về cái chết.

Hỏi: Thế nào là cảm thọ cuối cùng về cái chết?

Đáp: Bởi vì Mạt-ma(tử huyệt) này đoạn dứt thì Mạng căn diệt đi.

Hỏi: Cảm thọ này vì sao gọi là cuối cùng về cái chết? Đáp: Từ đây dẫn đến phần vị cuối cùng của cái chết, cho nên gọi là cảm thọ cuối cùng về cái chết.

Hỏi: Nếu như vậy thì nên nói cảm thọ cuối cùng gọi là cảm thọ cuối cùng về cái chết, không nên nói là bởi vì Mạt-ma này đoạn dứt. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Mạt-ma đoạn dứt rồi có lúc trải qua một

ngày đêm mới mạng chung. Đáp: Ngay lúc cảm thọ Mạt-ma đoạn dứt cũng gọi là cảm thọ cuối cùng, bởi vì sau khi Mạt-ma đoạn dứt thì không bao lâu nhất định phải mạng chung.

Có người nói: Trong một Chúng đồng phần có hai loại cảm thọ:

1. Cảm thọ của thân.
2. Cảm thọ của tâm.

Cảm thọ Mạt-ma đoạn dứt là cảm thọ cuối cùng của thân, cảm thọ mạng căn diệt đi là cảm thọ cuối cùng của tâm.

Hỏi: Đến đâu thì nên nói là cảm thọ cuối cùng về cái chết?

Đáp: Đến lúc Mạt-ma này đoạn dứt, mạng căn diệt đi.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây nói về tự tánh của cảm thọ cuối cùng về cái chết, mà chưa hiển bày về phần vị, nay muốn hiển bày điều ấy cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Cảm thọ cuối cùng về cái chết do Xứ nào thâm nhiếp?

Đáp: Pháp xứ.

Hỏi: Có mấy Thức tương ứng?

Đáp: Thân thức và Ý thức, đó là đầu tiên cảm thọ về Mạt-ma đoạn dứt tương ứng với Thân thức, cảm thọ cuối cùng tương ứng với Ý thức.

Hỏi: Mấy đại chủng có thể đoạn dứt Mạt-ma?

Đáp: Ba, đó là Thủy-Hỏa và Phong.

Hỏi: Vì sao đại chủng Địa không có thể đoạn dứt Mạt-ma?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất, không phải là đồ chứa...

Có người nói: Đại chủng mạnh mẽ nhanh nhạy có thể đoạn dứt Mạt-ma, đại chủng Địa thì không mạnh mẽ nhanh nhạy.

Có người nói: Nếu các đại chủng có thể hủy hoại phần bên ngoài, có thể gây ra tai họa bên ngoài, thì đại chủng ấy cũng có thể hủy hoại phần bên trong, có thể đoạn dứt Mạt-ma; bởi vì đại chủng Địa không có thể hủy hoại phần bên ngoài, không có thể gây ra tai họa bên ngoài, cho nên cũng không có thể hủy hoại phần bên trong, không có thể đoạn dứt Mạt-ma.

Trong này, đại chủng Thủy đoạn dứt Mạt-ma, đó là lúc sắp chết, Thủy giới tăng mạnh ở trong thân bên trong, bởi vì sự ngâm ướt này khiến cho tất cả gân cơ rữa nát, bởi vì các gân cơ rữa nát cho nên các bộ phận rời ra, bởi vì các bộ phận rời ra cho nên không bao lâu sẽ mạng chung.

Đại chủng Hỏa đoạn dứt Mạt-ma, đó là lúc sắp chết, Hỏa giới

tăng mạnh ở trong thân bên trong, bởi vì sự nung đốt bức bách này khiến cho tất cả gân cơ cháy khô, bởi vì các gân cơ cháy khô cho nên các bộ phận rời ra, bởi vì các bộ phận rời ra cho nên không bao lâu sẽ mạng chung.

Đại chủng Phong đoạn dứt Mạt-ma, đó là lúc sắp chết, Phong giới tăng mạnh ở trong thân bên trong, bởi vì sự lay động va chạm này khiến cho tất cả gân cơ vỡ nát, bởi vì các gân cơ vỡ nát cho nên các bộ phận rời ra, bởi vì các bộ phận rời ra cho nên không bao lâu sẽ mạng chung.

Cũng có người muốn làm cho đại chủng Địa có thể đoạn dứt Mạt-ma, người ấy đưa ra cách nói này: Lúc sắp mạng chung, Địa giới trong thân tăng mạnh, có thể làm cho tất cả huyết đạo bế tắc, bởi vì các huyết đạo bế tắc cho nên các bộ phận rời ra, bởi vì các bộ phận rời ra cho nên không bao lâu thì mạng chung.

Hỏi: Nơi nào có đoạn dứt Mạt-ma?

Đáp: Ở cõi Dục chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc. Ở trong cõi Dục thì địa ngục không có đoạn dứt Mạt-ma, bởi vì luôn luôn đoạn dứt; bàng sinh-ngạ quỷ có đoạn dứt Mạt-ma. Trong loài người thì ba châu chứ không phải là châu Bắc Câu-lô. Chư Thiên cõi Dục cũng không có đoạn dứt Mạt-ma, bởi vì ở nơi ấy không phải là quả của nghiệp nào loạn.

Hỏi: Những Bồ-đặc-già-la nào có đoạn dứt Mạt-ma?

Đáp: Di sinh-Thánh giả đều có. Ở trong Thánh giả thì Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác đều có, chỉ ngoại trừ Đức Thế Tôn, bởi vì không có nghiệp nào loạn. Chư Phật Thế Tôn không có đoạn dứt Mạt-ma, thanh âm không hư hoại, không có từ từ mạng chung, bởi vì các căn của Phật Thế Tôn nhanh chóng diệt đi. Hoặc là A-la-hán có đoạn dứt Mạt-ma, chứ không phải là hạng người giết mổ trâu dê, bởi vì đoạn dứt Mạt-ma là quả của nghiệp nào loạn. Nếu có nghiệp nào loạn thì tuy là A-la-hán mà đoạn dứt Mạt-ma, nếu không có nghiệp nào loạn thì tuy là hạng người giết mổ trâu dê mà cũng không có sự việc đoạn dứt Mạt-ma.

Hỏi: Phần giữa Mạt-ma phân bố như thế nào?

Đáp: Phần giữa Mạt-ma của những loài thú có nhiều sức mạnh như voi-ngựa-trâu..., các đốt xương chống vào nhau mà lại kiên cố; Đại Nặc-kiện-na thì các đốt xương nối liền nhau, giống như những tấm ván ghép lại; Bát-la-tắc-kiến-đề thì các đốt xương móc vào nhau, như những móc sắt móc lấy nhau; thân Na-la-diên thì các đốt xương nối liền nhau thành vòng tròn, giống như xích sắt. Thân Phật thì các đốt xương lần

lượt xoay tròn chồng lên nhau mà kết lại, giống như rỗng cuộn tròn. Các hữu tình khác thì đốt xương tách rời nhau mà không kiên cố, vì thế cho nên sức lực của những loại ấy là yếu nhất.

